

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2022-2023

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội về Đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa Giáo dục phổ thông;

Căn cứ vào Thông tư 04/2014/TT- BGDĐT ngày 28/02/ 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành qui định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới chương trình, SGK phổ thông”;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn Thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021;

Căn cứ Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2022-2023 của ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 4088 /BGDĐT-GDTH ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 1834/QĐ-BGDĐT ngày 16/8/2022, ban hành khung thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 13/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023 của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-TH ngày 19/02/2020 của trường Tiểu học Tô Hiệu về việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giai đoạn 2019-2025;

Công văn số 959/SGDDĐT-GDTH-GDMN ngày 07/7/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện CTGDPT cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1333/SGDDĐT-GDTH-GDMN ngày 8/9/2021 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018;

Căn cứ Quyết định số 2440/QĐ-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1414/QĐ-BGDĐT ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn 172/PGDDĐT-GDTH ngày 08/9/2021 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ vào kết quả đạt được của năm học 2021-2022; căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường và địa phương.

Trường Tiểu học Tô Hiệu xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2022-2023

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Ea Siên là một đơn vị đóng trên địa bàn thị xã Buôn Hồ. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Thị ủy, giám sát kịp thời của Hội đồng nhân dân thị xã, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của xã trong thời gian qua đạt nhiều kết quả quan trọng.

Trong năm qua tuy ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng kinh tế của xã Ea Siên vẫn tăng trưởng cao:

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng so với năm trước, trong đó. Giá cả của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu trên địa bàn xã tương đối ổn định. Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn không có diễn biến bất thường, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu đáp ứng đầy đủ và không bị khan hiếm về số lượng, không tăng giá đột biến

Đối với Giáo dục và Đào tạo Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông đến năm 2025 và những năm tiếp theo; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định; giáo dục mũi nhọn đạt thành tích xuất sắc, Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được củng cố và giữ vững. Tập trung xây dựng các kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối lớp 1,2, và 3 và chuẩn bị lớp 4 cho năm học 2023-2024.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022 – 2023

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Tổng số lớp: 15 lớp với 414, học sinh nữ, 221 học sinh dân tộc thiểu số 333, nữ dân tộc thiểu số 175, học sinh khuyết tật 03, học sinh bán trú: 0 học sinh, tỷ lệ học sinh/lớp: 28 học sinh/lớp, cụ thể:

Số lớp		Số học sinh				Chia ra các khối lớp				
Số lớp học 2 buổi /ngày	Số lớp học 1 buổi /ngày	Số HS		HSDT		K1	K2	K3	K4	K5
		Tổng số HS	Nữ	TS	Nữ					
15	0	414	221	333	175	89	85	84	74	82

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

(Khái quát về tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý, trong đó có số liệu về tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên; tỉ lệ nữ; tỉ lệ giáo viên/lớp; số lượng theo trình độ đào tạo (tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, dưới cao đẳng).

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 27; nữ 19 người với tỷ lệ: 75,0; dân tộc: 06 người, chia ra:

- Cán bộ quản lý: 01 người; giáo viên: 21 người; nhân viên: 05 người;
- Tỷ lệ giáo viên trên lớp: 1,4

- **Biên chế: 23 đ/c; HĐNH: 4 đ/c**

- Giáo viên tiểu học: 15 người, giáo viên chuyên ngành có 6 giáo viên, cụ thể: 1 GV âm nhạc (kiêm tổng phụ trách đội), 1 GV mỹ thuật, 1 Thể dục, 2 tiếng Anh, 1 Tin học.

- Đảng viên: 10 đ/c, trong đó: CBQL 01đ/c, giáo viên 8 đ/c, nhân viên 1đ/c.

*** Chia theo trình độ đào tạo trong tổng số CBGV,NV:**

- Đại học: 17đ/c, tỷ lệ: 60,7 %

- Cao đẳng: 3 đ/c, tỷ lệ: 10,7%

- Trung học sư phạm và trung cấp khác 7 đ/c, tỷ lệ: 28,6 %

- 1 đ/c (Bảo vệ) tỷ lệ: 3,6%.

- Dân tộc: 6/27 chiếm 21,4%

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

Khái quát về tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điểm trường, lớp ghép, trong đó có số liệu về số phòng học; số phòng chức năng; tên điểm trường, số lớp ghép, trình độ lớp ghép, số học sinh (nếu trường có điểm trường); cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú (nếu thực hiện).

- Nhà trường có đủ phòng học 15 phòng/15 lớp; có 8 phòng học được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu. Các lớp học hiện hành có đủ thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu.

- Nhà trường không có điểm trường, không có lớp ghép. Nhà trường đang xây dựng lộ trình thực hiện bán trú trong năm học 2022-2023.

- Trường có hệ thống các phòng chức năng như phòng dạy học Ngoại ngữ, Mỹ thuật, Tin học. Phòng Tin học có 17 máy tính đảm bảo cho 2 học sinh/máy, hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy.

- Nhà trường đã quản lý và sử dụng hợp lý nguồn ngân sách chi thường xuyên trên cấp và thực hiện nghiêm túc các khoản đóng góp tài trợ từ nhân dân.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023

1. Mục tiêu chung

Phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị

dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai, thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Duy trì các tiêu chuẩn của trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ I, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

2. Mục tiêu cụ thể

- Chương trình giáo dục phổ thông đặt ra 3 yêu cầu cơ bản cần đạt về phẩm chất và năng lực, đó là:

+ Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu như yêu đất nước, yêu con người; chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.

+ Hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi (năng lực chung cho tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển năng lực tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo...) và năng lực đặc biệt (năng khiếu) của học sinh.

+ Là căn cứ để xây dựng chương trình môn học, soạn bài dạy và tổ chức dạy học, đánh giá kết quả giáo dục học sinh, ... phải dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi.

- Bảo đảm tất cả giáo viên của trường được triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, nội dung hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo khi bắt đầu triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 tuân tự đối với cấp tiểu học.

Phân đầu năm học 2021-2023, trường Tiểu học Tô Hiệu đạt các mục tiêu sau:

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT KHỐI LỚP 1, 2, 3.

*** CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT KHỐI LỚP 1, 2**

Nội dung	Số	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	
I. Năng lực cốt lõi		89	100	85	100	84	100	
1. Năng lực chung		89	100	85	100	84	100	
<i>Tự chủ và tự học</i>		89	100	85	100	84	100	
Tốt		44	49,4	41	48%	41	48	
Đạt		45	50,6	39	46%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	5	6%	0	0	
<i>Giao tiếp và hợp tác</i>		89	100	85	100	84	100	
Tốt		44	49,4	42	49%	41	48	
Đạt		45	50,6	38	45%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	5	6%	0	0	
<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>		89	100	85	100	84	100	
Tốt		44	49,4	42	49%	41	48	
Đạt		45	50,6	38	45%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	5	6%	0	0	
2. Năng lực đặc thù		89	100	85	100	84	100	
<i>Ngôn ngữ</i>		89	100	85	100	84	100	

Tốt		37	41,6	42	49%	41	48	
Đạt		52	58,4	38	45%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	5	6%	0	0	
Tính toán		89	100	85	100	84	100	
Tốt		37	41,6	42	49%	41	48	
Đạt		52	58,4	38	45%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	5	6%	0	0	
Khoa học		89	100	85	100	84	100	
Tốt		44	49,4	43	50,6%	41	48	
Đạt		45	50,6	42	49,4%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
Thẩm mĩ		89	100	85	100	84	100	
Tốt		44	49,4	43	50,6%	41	48	
Đạt		45	50,6	42	49,4%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
Thể chất		89	100	85	100	84	100	
Tốt		44	49,4	43	50,6%	41	48	
Đạt		45	50,6	42	49,4%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
II. Phẩm chất chủ yếu		89	100	85	100	84	100	
Yêu nước		89	100	85	100	84	100	
Tốt		46	51,7	44	52%	41	48	
Đạt		43	48,3	41	48%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
Nhân ái		89	100	85	100	84	100	

Tốt		46	51,7	44	52%	41	48	
Đạt		43	48,3	41	48%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
Chăm chỉ		89	100	85		84	100	
Tốt		46	51,7	44	52%	41	48	
Đạt		43	48,3	41	48%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
Trung thực		89	100	85		84	100	
Tốt		46	51,7	44	52%	41	48	
Đạt		43	48,3	41	48%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
Trách nhiệm		89	100	85		84	100	
Tốt		46	51,7	44	52%	41	48	
Đạt		43	48,3	41	48%	43	52	
Cần cố gắng		0	0	0	0%	0	0	
				0	0			

*** CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT KHỐI LỚP 4 và 5**

Nội dung	Số	Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	
1. Năng lực						
Tự phục vụ tự quản	156	74	100	82	100	
Tốt	80	44	59.46	36	43,9%	
Đạt	76	30	40.54	46	56,1%	
Cần cố gắng		0		0		

Hợp tác	156	74	100	82	100	
Tốt	80	44	59.46	36	43,9%	
Đạt	76	30	40.54	46	56,1%	
Cần cố gắng				0		
Tự học và giải quyết vấn đề	156	74	100	82	100	
Tốt	80	44	59.46	36	43,9%	
Đạt	76	30	40.54	46	56,1%	
Cần cố gắng				0		
2. Phẩm chất						
Chăm học chăm làm	156	74	100	82	100	
Tốt	73	37	50	36	43,9%	
Đạt	83	37	50	46	56,1%	
Cần cố gắng				0		
Tự tin trách nhiệm	156	74	100	82	100	
Tốt	73	37	50	36	43,9%	
Đạt	83	37	50	46	56,1%	
Cần cố gắng				0		
Trung thực kỷ luật	156	74	100	82	100	
Tốt	73	37	50	36	43,9%	
Đạt	83	37	50	46	56,1%	
Cần cố gắng				0		
Đoàn kết yêu thương	156	74	100	82	100	
Tốt	73	37	50	36	43,9%	
Đạt	83	37	50	46	56,1%	

Cần cố gắng				0		
-------------	--	--	--	---	--	--

*** CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 1 VÀ 2**

Các môn học và HDGD	Số số	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	
<i>1. Kết quả học tập</i>	258	89	100	85	100	84	100	
<i>1. Tiếng Việt</i>	258	89	100	85	100	84	100	
Hoàn thành tốt	70	26	29,2	23	27%	21	25	
Hoàn thành	176	60	67,4	57	67%	59	70,2	
Chưa hoàn thành	12	3	3,4	5	6%	4	4,8	
<i>2. Toán</i>	258	89	100	85	100	84	100	
Hoàn thành tốt	70	26	29,2	23	27%	21	25	
Hoàn thành	176	60	67,4	57	67%	59	70,2	
Chưa hoàn thành	12	3	3,4	5	6%	4	4,8	
<i>3. Đạo đức</i>	258	89	100	85	100	84	100	
Hoàn thành tốt	74	27	30,3	26	31%	21	25	
Hoàn thành	184	62	69,7	59	69%	63	75	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0%	0	0	
<i>4. Tự nhiên và Xã hội</i>	258	89	100	85	100	84	100	
Hoàn thành tốt	73	26	29,2	26	31%	21	25	
Hoàn thành	185	63	70,8	59	69%	63	75	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0%	0	0	
<i>5. Nghệ thuật (Âm nhạc)</i>	258	89	100	85		84	100	
Hoàn thành tốt	73	27	30,3	25	30%	21	25	

Hoàn thành	185	62	69,7	60	70%	63	75	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0%	0	0	
6. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	258	89	100	85		84	100	
Hoàn thành tốt	73	27	30,3	25	30%	21	25	
Hoàn thành	185	62	69,7	60	70%	63	75	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0%	0	0	
7. Hoạt động trải nghiệm	258	89	100	85		84	100	
Hoàn thành tốt	74	28	31,5	25	30%	21	25	
Hoàn thành	184	61	68,5	60	70%	63	75	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0%	0	0	
8. Giáo dục thể chất	258	89	100	85		84	100	
Hoàn thành tốt	74	28	31,5	25	30%	21	25	
Hoàn thành	184	61	68,5	60	70%	63	75	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0%	0	0	
II. Đánh giá KQGD	258	89	100	85	100	84	100	
- Hoàn thành xuất sắc	45	15	16,9	13	15%	17	20	
- Hoàn thành tốt	32	11	12,3	10	12%	11	13,1	
- Hoàn thành	169	60	67,4	57	67%	52	62,1	
- Chưa hoàn thành	12	3	3,4	5	6%	4	4,8	
III. Khen thưởng	73	30		26		17		
- Giấy khen cấp trường	66	26	29,2	23	27%	17	20	
- Giấy khen cấp trên	7	4	4,5	3	3,5%			
IV. Chương trình lớp học	258	89	100	85	100	84	100	
Hoàn thành	246	86	96,6	80	94%	80	95,2	
Chưa hoàn thành	12	3	3,4	5	6%	4	4,8	

*** CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 4 VÀ 5**

Các môn học và HĐGD	Số số	Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	
I. Kết quả học tập						
1. Tiếng Việt	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	36	20	27	16	19,5%	
Hoàn thành	120	54	73	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
2. Toán	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	35	19	25.7	16	19,5%	
Hoàn thành	121	55	4.37	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
3. Đạo đức	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	47	31	41.9	16	19,5%	
Hoàn thành	109	43	58.1	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
4. TN & XH						
Hoàn thành tốt						
Hoàn thành						
Chưa hoàn thành						
5. Khoa học	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	42	26	35.1	16	19,5%	
Hoàn thành	114	48	64.9	66	80,5%	

Chưa hoàn thành				0		
6. LS &ĐL	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	43	27	36.5	16	19,5%	
Hoàn thành	113	47	63.5	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
7. Âm nhạc	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	43	27	36.5	16	19,5%	
Hoàn thành	113	47	63.5	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
8. Mỹ thuật	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	36	20	27	16	19,5%	
Hoàn thành	120	54	73	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
9. Thủ công, Kỹ thuật	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	43	27	36.5	16	19,5%	
Hoàn thành	113	47	63.5	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
10. Thể dục	156	74	100	82		
Hoàn thành tốt	43	27	36.5	16	19,5%	
Hoàn thành	113	47	63.5	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
11. Ngoại ngữ	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	36	20	27	16	19,5%	
Hoàn thành	120	54	73	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		

12. Tin học	156	74	100	82	100	
Hoàn thành tốt	36	20	27	16	19,5%	
Hoàn thành	120	54	73	66	80,5%	
Chưa hoàn thành				0		
II. Khen thưởng	41	25	33.8	16		
- Giấy khen cấp trường	38	22	29.7	16	19,5%	
- Giấy khen cấp trên	3	3	4.1	0		
III. Chương trình lớp học	156	74	100	82	100%	
Hoàn thành	156	74	100	82	100%	
Chưa hoàn thành		0		0		

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

a. Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt		420	216	204	350	180	170	245	126	119	280	144	136	280	144	136
2	Toán		105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	TNXH		70	36	34	70	36	34	70	36	34	0			0		
4	K. Học		0			0			0			70	36	34	70	36	34
5	L.S &ĐL		0			0			0			70	36	34	70	36	34
6	Đạo đức		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
7	Nghệ thuật	M. thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		Â. Nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Công nghệ		0			0			35	18	17	0			0		
9	Tin học		0			0			35	18	17	70	36	34	70	36	34
10	Kỹ thuật		0			0			0			35	18	17	35	18	17
11	Tiếng Anh		0			0			140	72	68	140	72	68	140	72	68
12	Thể dục		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
13	HĐTT (C. cờ, SHL, HĐNK)		105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
Tổng			875	450	425	875	450	425	980	504	476	1120	576	544	1120	576	544
2. Môn học tự chọn																	
1	Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)																
3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																	
1	Tăng cường Toán		68	36	32	68	36	32	68	36	32	68	36	32	68	36	32
2	Tăng cường Tiếng Việt		170	90	80	170	90	80	102	54	48	68	36	32	68	36	32
3	Tiết đọc thư viện		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
TỔNG			1113	594	554	1148	594	554	1185	612	573	1291	666	625	1291	666	625

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2.)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	HĐTN	Chúng em vui trung thu	Tập trung toàn trường	Chiều 09/9/2022	TPTĐ + GVCN+ BGH	Đoàn TN+ BĐDCMHS
	Tháng ATGT	Tuyên truyền về ATGT	Tập trung toàn trường	Sáng 30/9/2022	TPTĐ+ Đội TTATGT CA thị xã Buôn Hồ	GVCN
Tháng 11	Biết ơn thầy cô giáo	Hội diễn văn nghệ	Tập trung	Chiều 18/11/2022	TPTĐ+ BGH	GVCN+ BĐDCMHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Nói chuyện truyền thống Bộ đội cụ Hồ	Tập trung toàn trường	19/12/2022	TPTĐ+ Hội CCB xã Ea Siên	GVCN+ BĐDCMHS
Tháng 3	Tiến bước lên đoàn	Tổ chức các trò chơi dân gian	Tập trung toàn trường	Chiều 24/3/2022	GVCN+TPTĐ	Đoàn TN+BĐDCMHS
Tháng 5	Bác Hồ kính yêu	Tổ chức học sinh đi thăm quan trải nghiệm	Tập trung	Ngày 18/5/2022	TPTĐ+GVCN+BGH	BĐDCMHS

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Căn cứ Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Này tựu trường: Thứ tư, ngày 29/8/2022, Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022

Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2022 đến trước 07/01/2023 (gồm 18 Tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). Học kỳ II: Từ ngày 09/01/2023 đến trước ngày 13/5/2023 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). Ngày bế giảng năm học: Trước 31/5/2023.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học)

Tại trường Tiểu học Tô Hiệu thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

3.1. Đối với khối lớp 1

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Kèm theo Phụ lục 1.1)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (*Kèm theo Phụ lục 1.4a*)

3.2. Đối với khối lớp 2

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Kèm theo Phụ lục 1.1)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (*Kèm theo Phụ lục 1.4b*)

3.3. Đối với khối lớp 3

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong

năm học. (Kèm theo Phụ lục 1.1)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (*Kèm theo Phụ lục 1.4c*)

3.4. Đối với khối lớp 4

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Kèm theo Phụ lục 1.1)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (*Kèm theo Phụ lục 1.4d*)

3.5. Đối với khối lớp 5

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Kèm theo Phụ lục 1.1)

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (*Kèm theo Phụ lục 1.4e*)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tham mưu với các cấp chính quyền, phòng tài chính đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng thiết bị dạy học để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Chỉ đạo kiểm kê, bổ sung, sửa chữa các phòng học, các thiết bị, đồ dùng liên quan đến công tác dạy học

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng để cán bộ, giáo viên xác định rõ ý nghĩa, vai trò của công tác bồi dưỡng: Quá trình đào tạo ở trong trường sư phạm dù hoàn hảo đến đâu cũng chỉ mới đem lại cho người giáo viên một cái vốn tối thiểu để dạy học và giáo dục. Trình độ tài năng sư phạm chỉ có thể đạt được khi tiến hành hoạt động sư phạm một cách tự giác, độc lập, khi thường xuyên rút kinh nghiệm về hoạt động sư phạm của bản thân và đồng nghiệp, khi không ngừng học tập. Những sự thay đổi không ngừng diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, những tiến bộ to lớn về khoa học và công nghệ - tất cả những điều đó đòi hỏi con người phải học, học nữa, học mãi.

- Thực hiện tốt vai trò tham mưu với lãnh đạo cấp trên: công tác tạo đội ngũ kế thừa là một việc làm hết sức quan trọng và cần thiết cho sự phát triển

bền vững, có tính kế thừa của đội ngũ. Tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo đề cử các CBQL; giáo viên nguồn của đơn vị tham gia các lớp bồi dưỡng về quản lí, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và chính trị. Chính vì thế mà đội ngũ CBQL; giáo viên của trường đã từng bước được bồi dưỡng, phát triển vững chắc và đạt trình độ nâng dần qua từng năm.

- Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán; giáo viên tổ khối trưởng:

Xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động cho tổ chuyên môn: Ngay từ đầu năm, ban giám hiệu đã định hướng cho khối trưởng kế hoạch chung của nhà trường, từ đó dựa trên đặc điểm tình hình giáo viên, tình hình học sinh trong khối phối hợp với kế hoạch năm học của bộ phận chuyên môn khối trưởng sẽ chủ động xây dựng kế hoạch riêng cho khối mình.

Kế hoạch chủ yếu đề ra những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh cũng như các hoạt động bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, Đổi mới phương pháp dạy – học; sinh hoạt chuyên môn khối, dự giờ thăm lớp, thảo giảng do giáo viên tự chọn dựa vào tình hình thực tế của khối.

Chỉ đạo công tác tự học, tự bồi dưỡng đối với các giáo viên chưa đạt chuẩn theo quy định bằng các đăng ký tham gia các lớp học đại học; thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của năm như đã xây dựng.

Tạo điều kiện cho CB, GV, NV trong công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức, chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn giáo viên theo đúng hướng dẫn các văn bản.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn nhà trường
- Phối hợp tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường đã được phân công
- Chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn triển khai đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học một cách có hiệu quả

4. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

- Triển khai văn bản, hướng dẫn của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.
- Triển khai thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động do ngành và các cấp phát động

5. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phương án dạy học

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định và tiêm vắc xin đủ các mũi theo kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng cơ sở vật chất và bổ sung thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo trực tiếp khối 1 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

2. Đối với phó hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/ tuần đối với học sinh tất cả các. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học lớp 1, 2 và 3; đổi mới phương pháp dạy học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.
- Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.
- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình lớp 1, 2 và 3.
- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.
- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với Phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.
- Thành lập các ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên chủ nhiệm

Triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục cá nhân, thời khóa biểu cụ thể cho lớp mình quản lí.

Phối hợp với tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá...

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

6. Giáo viên phụ trách môn học

Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục cá nhân, phối hợp GVCN lớp xây dựng thời khóa biểu.

Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá.

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn. Đổi mới phương pháp dạy học. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh....

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo

7. Nhân viên

Xây dựng kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của nhà trường...

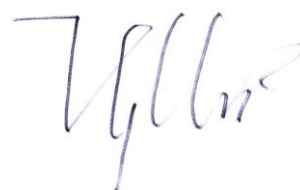
Phối kết hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 của trường Tiểu học Tô Hiệu. Yêu cầu tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, đề nghị các bộ phận chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- UBND xã Ea Siên (để b/c);
- PHT (để chỉ đạo);
- Các tổ chuyên môn (để th/h);
- Lưu: VT, Website trường.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh